TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM BẢNG** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ - ST
Ngày 07-5-2021
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Thạo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Tuấn Anh.

2. Bà Nguyễn Thị Khánh.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Đào – Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Sen - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021 về "*Tranh chấp về ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị H, sinh năm 1970; địa chỉ: Số XX, đường L, phường V, thành phố S, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lương Xuân P, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Dương Thị H trình bày: Bà kết hôn với ông Lương Xuân P trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 20-7-2019 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận chỉ được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân là do hoàn cảnh công tác nên mỗi người ở một nơi, ông P thường hay ghen vô cớ dẫn đến hiểu lầm. Từ tháng 10-2020 đến tháng 02-2021 ông P liên tục đăng hình ảnh của bà lên mạng xã hội với lời viết lăng mạ, xúc phạm danh dự nhân phẩm của bà nên vợ chồng mâu thuẫn ngày càng sâu sắc, trầm trọng hơn. Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Lương Xuân P.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Lương Xuân P trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn giữa ông với bà Dương Thị H và thời điểm xảy ra mâu thuẫn đúng như bà H đã trình bày. Ông P xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống xa nhau, không có điều kiện bồi đắp về tình cảm; ngoài ra còn do bà H có quan hệ tình cảm với người khác, không quan tâm chăm sóc và để ý đến công việc nhà chồng. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên ông không đồng ý ly hôn mà mong muốn vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Bà H và ông P thống nhất xác định vợ chồng ông bà không có con chung nên ông bà không yêu cầu giải quyết.

Về con riêng: Bà H và ông P thống nhất xác định cả hai đều có con riêng nhưng đều đã trên 18 tuổi và lao động tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp, công nợ, đất nông nghiệp: Bà H, ông P thống nhất xác định không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên toà, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Xử ly hôn giữa bà Dương Thị H và ông Lương Xuân P. Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn là ông Lương Xuân P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lí do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa bà Dương Thị H và ông Lương Xuân P là hợp pháp, ông bà đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 22-7-2019 tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau ngày kết hôn, do bà H làm giáo viên và công tác ở tỉnh Lạng Sơn, còn ông P làm ăn, kinh doanh ở thôn N, xã T, huyện K, thỉnh thoảng bà H mới về với ông P hoặc thỉnh thoảng ông P mới lên thăm bà H. Do vợ chồng mỗi người một nơi, không chung sống cùng nhau thường xuyên nên dần mất đi sự thấu hiểu, tin tưởng nhau, luôn có những lời lẽ xúc phạm nhau. Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết xin ly hôn ông P; còn ông P mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng ông cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra là thực tế. Theo xác minh tại địa phương, bà H và ông P đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, hai bên xúc phạm, đấu tố nhau trên mạng xã hội đến nỗi làm đơn tố cáo nhau đến cơ quan Công an và các cơ quan chức năng khác, gây mất ổn định tình hình trật tự tại địa phương. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa bà H và ông P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, xử cho bà H được ly hôn ông P là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] *Về con chung:* Bà H và ông P đều xác định không có con chung nên không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về con riêng:* Bà H và ông P đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung; tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp:* Bà H và ông P cùng thống nhất xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí:* Bà H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa bà Dương Thị H và ông Lương Xuân P.

2. Án phí: Bà Dương Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004277 ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. (Bà H đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm).

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho bà H biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; ông P vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS H. Kim Bảng;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Thạo